

Số: 406/2022/QĐST-HNGĐ

Tn, ngày 20 tháng 10 năm 2022

**QUẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 “Về việc Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Minh Q, sinh năm 1966

Địa chỉ: tổ 5, phường Tân thành, thành phố Tn

Bị đơn: anh Trần Đức Đ, sinh năm 1964

Địa chỉ: tổ 5, phường Tân thành, thành phố Tn

Người đại diện theo ủy Qền của bị đơn: ông Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1985

Địa chỉ: tổ 4, phường Quang Trung, thành phố TN, tỉnh TN.

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nội dung:

I. Bà Nguyễn Thị Q được toàn Qền sở hữu, đứng tên quản lý, sử dụng, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, vay vốn, cho thuê đối với toàn bộ khối tài sản là Qền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn bản thỏa thuận ngày 30/12/2019 tại Văn phòng công chứng Phía Nam như sau:

1. Giấy chứng nhận Qền sử dụng đất, Qền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 724793 do UBND thành phố TN cấp ngày 03/3/2011, vào sổ cấp giấy chứng nhận Qền sử dụng đất số: CH 00165/NCN, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **607, 608**, tờ bản đồ số: 04

- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố Tn;

- Diện tích đất: **390 m²** (Bằng chữ: Ba trăm chín mươi mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước còn lại;
- Thời hạn sử dụng đất: 2069;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

2. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 059319 do UBND thành phố TN cấp ngày 23/11/2012, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CH 01487/NCN, số QĐ: 13158/QĐ-UBND cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **438, 610**, tờ bản đồ số: 04
- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố TN;
- Diện tích đất: **624 m²** (Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi bốn mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước còn lại;
- Thời hạn sử dụng đất: 2069;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

3. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 736017 do UBND thành phố TN cấp ngày 30/3/2011, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CH 00189/NCN, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **611**, tờ bản đồ số: 04
- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố TN;
- Diện tích đất: **424 m²** (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi bốn mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước còn lại;
- Thời hạn sử dụng đất: 2068;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

4. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BP 466823 do UBND thành phố TN cấp ngày 19/6/2013, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CH 02118/NCN/QĐ 5286, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **605**, tờ bản đồ số: 04
- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố TN;
- Diện tích đất: **234 m²** (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bốn mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước còn lại;
- Thời hạn sử dụng đất: 2068;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

5. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 724215 do UBND thành phố TN cấp ngày 25/02/2011, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CH 00173/NCN, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **436**, tờ bản đồ số: 04
- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố Tn;
- Diện tích đất: **312 m²** (Bằng chữ: Ba trăm mười hai mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước còn lại;
- Thời hạn sử dụng đất: 2068;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

6. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AO 234325 do UBND thành phố TN cấp ngày 04/9/2009, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 00067/NCN, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **435**, tờ bản đồ số: 04
- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố Tn;
- Diện tích đất: **528 m²** (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi tám mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước còn lại;
- Thời hạn sử dụng đất: 2068;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

7. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AO 234323 do UBND thành phố TN cấp ngày 04/9/2009, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 00066/NCN, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **431**, tờ bản đồ số: 04
- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố Tn;
- Diện tích đất: **552 m²** (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi hai mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước còn lại;
- Thời hạn sử dụng đất: 2025;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

8. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AO 247465 do UBND thành phố TN cấp ngày 20/4/2009, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: H00025/NCN, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **428, 426, 425, 430**, tờ bản đồ số: 04
- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố Tn;
- Diện tích đất: **1779 m²** (Bằng chữ: Một nghìn bảy trăm bảy mươi chín mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất nông nghiệp (LUA, HNK);
- Thời hạn sử dụng đất: 2023;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

9. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AO 234324 do UBND thành phố TN cấp ngày 04/9/2009, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 00068/NCN, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **432, 433** tờ bản đồ số: 04
- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố Tn;
- Diện tích đất: **688 m²** (Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi tám mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất nông nghiệp (LUK);
- Thời hạn sử dụng đất: 2025;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

10. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BP 502797 do UBND thành phố TN cấp ngày 14/4/2014, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CH02274/NCN, số QĐ: 4610/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: **135,136**, tờ bản đồ số: 05
- Địa chỉ thửa đất: phường Tân Thành, thành phố Tn;
- Diện tích đất: **914 m²** (Bằng chữ: Chín trăm mười bốn mét vuông);
- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng;
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa nước;
- Thời hạn sử dụng đất: 2033;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận Quyền sử dụng đất do chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

II. Ông Trần Đức Đ được toàn Quyền sở hữu, đứng tên quản lý, sử dụng, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, vay vốn, cho thuê đối với toàn bộ khối tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn bản thỏa thuận ngày 16/6/2020 tại Văn phòng công chứng Dương Cúc là thửa đất số: 1441, tờ bản đồ số: 04, diện tích 620 m² cùng tài sản trên đất là nhà cấp IV;

III. Ông Trần Đức Đ, bà Nguyễn Minh Q tặng cho chị Trần Thị Phương H được Quyền sử dụng thửa đất số: 439, tờ bản đồ số 4, diện tích 288 m² Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Đức Đ, bà Nguyễn Minh Q.

2. Về án phí: Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số: 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Minh Q, ông Trần Đức Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

Hoàn trả lại Nguyễn Minh Q 9.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn ngày 08 tháng 4 năm 2022, biên lai số: 0001087. Ông Trần Đức Đ 35.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn ngày 16 tháng 5 năm 2022, biên lai số: 0001197.

Tính đến thời điểm nay hai bên đã thỏa thuận xong tất cả tài sản chung của vợ chồng. Những tài sản khác không liên quan đến vợ chồng nữa.

Đối với thửa đất của bà Nhít, ông Hương thì ông Trần Đức Đ không có Quyền tham gia và can thiệp vào việc của bà Q ghi ngày 14/7/2020.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án sẽ bị thi hành theo Luật thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Quyết định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Quyền thỏa thuận thi hành án, Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Quyết định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được Quyết định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHN;
- CCTHADDSTPHN;
- Các cơ quan sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Huy Hưởng

